

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHOÁ XVII)

về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

**I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

Trong những năm qua, với sự nỗ lực của cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, ngành công nghiệp của tỉnh đã có bước phát triển quan trọng, tỷ trọng ngành công nghiệp chuyển dịch đúng hướng, giá trị sản xuất năm sau luôn tăng cao hơn năm trước, tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt trên 16%/năm, đóng góp quan trọng cho ngân sách của tỉnh, tạo việc làm cho nhiều lao động địa phương. Tỉnh đã tập trung phát triển một số ngành công nghiệp có thế mạnh, giai đoạn 2015 - 2020 thu hút được 37 dự án với tổng vốn đầu tư đạt trên 13.300 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp, công nghiệp may, da giày, công nghiệp phụ trợ, thủy điện, chế biến sâu khoáng sản,... Trong đó, có một số dự án có quy mô lớn, tạo ra giá trị kinh tế cao như: Nhà máy bột giấy và giấy An Hoà, Nhà máy gang thép Tuyên Quang, Nhà máy sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu Woodsland, Nhà máy may xuất khẩu Seshin VN2, Nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu MSA YB, Nhà máy sản xuất giấy dếp xuất khẩu tại các huyện Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương,...; một số sản phẩm công nghiệp đạt sản lượng, chất lượng khá cao, được thị trường trong nước và quốc tế ưa chuộng. Quy mô, chất lượng và hoạt động các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh như Khu công nghiệp Long Bình An, Cụm công nghiệp Thăng Quân, Cụm công nghiệp Phúc Ứng,... cơ bản đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vào lĩnh vực công nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành công nghiệp của tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là, ngành công nghiệp chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; việc xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chưa thực sự hiệu quả; tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư còn chậm; giai đoạn 2015 - 2020, một số sản phẩm công nghiệp chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra; số sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu để nâng cao giá trị gia tăng còn ít; cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ; tỷ lệ lấp đầy diện tích khu, cụm công nghiệp chưa cao; nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp, chế biến khoáng sản chưa thực sự ổn định; thị trường tiêu thụ một số sản phẩm công nghiệp, đời sống của một bộ phận cán bộ, công nhân, người lao động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chưa ổn định, còn khó khăn,...

Nguyên nhân chủ yếu: Một số cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự nỗ lực, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp của tỉnh; công tác dự báo, đánh giá tình hình còn chưa tốt; phần lớn các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ, tiềm lực không lớn; doanh nghiệp địa phương chưa nắm bắt, tranh thủ cơ hội và mạnh dạn tham gia đầu tư phát triển công nghiệp của địa phương; số dự án, nhà máy ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại còn ít; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) còn hạn chế; cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, thu hút đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân có tay nghề cao, kỹ năng tốt chưa thực sự hấp dẫn,...

Bên cạnh đó, do địa kinh tế của tỉnh không thuận lợi; kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối; nguồn lực dành cho đầu tư phát triển công nghiệp còn hạn chế; thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

Phát triển công nghiệp của tỉnh phải phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của cả nước và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và những năm tiếp theo; ưu tiên phát triển những ngành phát huy được tiềm năng, thế mạnh, có hàm lượng khoa học công nghệ, thân thiện với môi trường và có giá trị kinh tế cao. Huy động hiệu quả nguồn lực của các thành phần kinh tế cả trong nước và nước ngoài để thúc đẩy công nghiệp của tỉnh phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, theo hướng từng bước thu hẹp chiều rộng, phát triển chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng giá trị xuất khẩu để tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh nhanh, bền vững; giữ vững an ninh trật tự để tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển công nghiệp, đồng thời phát triển công nghiệp phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự và an sinh xã hội của địa phương.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu chung

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các giải pháp để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra để công nghiệp của tỉnh có bước đột phá trong giai đoạn 2021-2025, tính đến năm 2030; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế nhằm nâng cao giá trị sản xuất, giá trị xuất khẩu, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đóng góp lớn hơn nữa vào ngân sách, tạo việc làm cho lao động địa phương. Phát triển công nghiệp của tỉnh theo hướng tập trung, phù hợp lợi thế của từng vùng: Khu vực phía Nam của tỉnh và thành phố Tuyên Quang ưu tiên phát triển các ngành: Chế biến gỗ, giấy, điện tử, công nghiệp phụ trợ, chế biến sâu khoáng sản, vật liệu xây dựng, chế biến đồ uống, dược phẩm,...; khu vực phía Bắc của tỉnh ưu tiên phát triển các ngành: Dệt may, da giày, chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thực phẩm và dược liệu,...

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm đi vào sản xuất các dự án công nghiệp trọng điểm. Thực hiện tốt, có chất lượng, hiệu quả công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư để tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, thu hút được các tập đoàn, công ty lớn có tiềm lực đầu tư các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, giá trị kinh tế cao, đồng thời dẫn dắt sản xuất, chuyển giao công nghệ, tác động lan tỏa đến môi trường phát triển công nghiệp của tỉnh, góp phần tăng tỷ trọng công nghiệp, là ngành kinh tế đóng góp quan trọng, bền vững vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

2.2- Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Giá trị sản xuất công nghiệp (*tính theo giá so sánh 2010*) đạt trên 27.700 tỷ đồng, tăng bình quân 05 năm (2021 - 2025) trên 14%.

- Cơ cấu lao động ngành công nghiệp chiếm trên 25,8%, tương đương trên 138.700 lao động, trong đó lao động qua đào tạo chiếm trên 65%.

- Cơ cấu ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt trên 24,7%.

- Hoàn thành quy hoạch, thành lập mới: Khu công nghiệp Nam Sơn Dương, Khu công nghiệp Tam Đa (huyện Sơn Dương) và Khu công nghiệp Nhữ Khê (huyện Yên Sơn); điều chỉnh mở rộng Khu công nghiệp Long Bình An (thành phố Tuyên Quang).

- Quy hoạch, thành lập mới ít nhất 5 cụm công nghiệp.

- Tỷ lệ trung bình lấp đầy khu, cụm công nghiệp phân đầu đạt trên 60%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Về cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ đã có của Trung ương và địa phương; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh, đề nghị Trung ương điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách để phù hợp với tình hình thực tế, tạo môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp thực sự thuận lợi, hiệu quả cho cả nhà đầu tư và Nhà nước, trong đó ưu tiên ban hành các chính sách thu hút đầu tư vào những ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế, giá trị kinh tế cao, thu hút đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến công, khuyến khích phát triển tiêu thụ công nghiệp, hỗ trợ các nhà đầu tư trong đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho lao động và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý, vận hành sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất về đất đai, giải quyết thủ tục hành chính, phát triển vùng nguyên liệu, lao động để thu hút các nhà đầu tư. Hoàn thành khoanh vùng, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh; có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng các vùng nguyên liệu tập trung hiện có của tỉnh, tập trung vào vùng chè, cam, mía, gỗ rừng trồng,...; hỗ trợ phát triển các vùng nguyên liệu mới có lợi thế như:

Nuôi trồng thủy sản, trồng dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng,... đáp ứng nguyên liệu chế biến, sản xuất cho các nhà máy. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ liên kết giữa người sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo thành chuỗi liên kết chặt chẽ, hiệu quả, bền vững.

2- Huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp; ưu tiên đầu tư hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp

Thực hiện đồng bộ, đa dạng các giải pháp huy động nguồn lực, chú trọng nguồn lực xã hội hoá để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ mục tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh cả trước mắt và lâu dài. Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có; đầu tư xây dựng mới hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy ở những nơi có điều kiện, hạ tầng điện, cấp, thoát nước, viễn thông,... Ưu tiên đầu tư, phát triển hệ thống giao thông kết nối các cụm, khu công nghiệp với hệ thống giao thông huyết mạch của tỉnh, các tỉnh trong khu vực và hệ thống giao thông quốc gia đảm bảo thông suốt, đồng bộ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng.

Khai thác hợp lý, hiệu quả các trục đường giao thông huyết mạch, quan trọng và những nơi có lợi thế để mở mới các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích nguồn lực xã hội hoá đầu tư, kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai, Quỹ phát triển đất phục vụ tạo quỹ đất sạch, xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh.

Quan tâm, cân đối, sử dụng hợp lý nguồn lực từ ngân sách, đẩy mạnh giải pháp thu hút nguồn lực xã hội hoá để đầu tư hạ tầng xã hội, ưu tiên hạ tầng thương mại, dịch vụ, y tế, trường, lớp học, hệ thống cung ứng nhiên liệu, vận tải nguyên liệu, công nhân, nhà ở xã hội,... tại các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và an sinh xã hội.

3- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế; thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư

Rà soát, điều chỉnh, cơ cấu lại các ngành công nghiệp hiện có, đảm bảo hiệu quả, bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế, điều kiện từng vùng, từng địa phương, thu hút, phát triển các ngành, các dự án công nghiệp mới, theo hướng tập trung, phù hợp với vùng nguyên liệu chế biến; mời gọi, thu hút các nhà đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sản xuất các sản phẩm kỹ thuật tiên tiến, thị trường ưa chuộng, tạo nhiều việc làm, thu nhập ổn định cho lao động, đóng góp lớn cho ngân sách địa phương.

Tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình phát triển các khu, cụm công nghiệp; giải quyết, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, triển khai dự án mới của nhà đầu tư; xem xét quy hoạch, mở rộng không gian ở những nơi có điều kiện để ưu tiên phát triển mô hình khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị,

khu công nghiệp sinh thái; quy hoạch rõ, phù hợp ngành nghề trong các khu, cụm công nghiệp, chú trọng ngành công nghiệp chế biến, phụ trợ. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, đi vào sản xuất đối với các dự án sản xuất công nghiệp đã có chủ trương đầu tư; đẩy nhanh tiến độ mở rộng Khu công nghiệp Long Bình An, thành phố Tuyên Quang; dự án mở rộng Nhà máy bột giấy và giấy An Hòa; phấn đấu hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy gang thép Tuyên Quang; có giải pháp, xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, nhất là các dự án không triển khai thực hiện.

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu; ưu tiên chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, nhất là chế biến sản phẩm xuất khẩu; thúc đẩy liên kết giữa sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, bền vững, hài hòa lợi ích giữa các thành phần trong chuỗi liên kết. Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất mở rộng quy mô, đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại, tiên tiến, nhất là ứng dụng tự động hoá để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, sản xuất, chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng.

Tích cực xúc tiến, mời gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp điện tử, dược phẩm, thực phẩm, đồ uống, dự án về cơ khí, luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng mới; phát triển công nghiệp phụ trợ của ngành điện tử, dệt may, da giày và các ngành tính có lợi thế. Ưu tiên các dự án tạo ra sản phẩm chất lượng, giá trị kinh tế cao, công nghệ hiện đại, phù hợp với thị trường và thân thiện với môi trường.

Phát triển ngành điện đảm bảo tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trên 12%/năm để phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng; phấn đấu 100% thôn, bản có điện lưới quốc gia. Chú trọng phát triển và nâng cấp hệ thống lưới điện trong toàn tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ để tạo uy tín, độ tin cậy trong cung cấp, sử dụng điện, nhất là ở các khu vực có nhu cầu sử dụng điện năng lớn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án thủy điện đã có chủ trương đầu tư như: Nhà máy Thủy điện Sông Lô 8B; Nhà máy Thủy điện Sông Lô 7; Nhà máy Thủy điện Yên Sơn. Đề nghị bổ sung quy hoạch và đầu tư nâng công suất của Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang; xây dựng các Nhà máy thủy điện Sông Lô 9. Đa dạng hình thức, giải pháp thu hút từ các nước có thể mạnh về nguồn lực, công nghệ tiên tiến, hiện đại để phát triển nguồn năng lượng: Thủy điện, năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời, các dạng năng lượng khác,... có hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường.

Phát triển ngành công nghiệp nước, trọng tâm là đánh giá trữ lượng của nước mặt và nước ngầm để quy hoạch khai thác, sử dụng đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn, nhất là khu vực thành phố, các thị trấn, huyện lỵ, các khu, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, nơi tập trung đông dân cư; đồng thời đáp ứng các mục tiêu về đảm bảo an ninh nguồn nước trong tương lai. Thực hiện chương trình nước sạch quốc gia, hỗ trợ cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người nghèo. Rà soát, đánh giá lại công tác quản lý, kinh doanh nước sạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên.

Nghiên cứu xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh các ngành nghề công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp có lợi thế tạo thêm nhiều ngành nghề sản xuất, kinh doanh, việc làm cho các hợp tác xã, doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ,... đóng góp vào giá trị công nghiệp của tỉnh.

4- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực ngành công nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động công nghiệp.

Huy động nguồn lực, trong đó lồng ghép nguồn lực các Chương trình mục tiêu, đề án, dự án để ưu tiên tập trung đào tạo nghề cho lao động địa phương, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao, phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp của tỉnh. Mở rộng, phát triển thị trường lao động, tích cực tìm kiếm thị trường xuất khẩu lao động uy tín, thu nhập cao, ổn định để tổ chức cho lao động địa phương đi làm việc.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, biện pháp quản lý bảo đảm phúc lợi xã hội cho cán bộ, công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, nhất là chính sách tiền lương, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc thị trường; tăng hiệu quả, năng suất lao động phải đi đôi với tăng quyền lợi, nâng cao chất lượng đời sống cho cán bộ, công nhân. Có chính sách thu hút và sử dụng nhân lực có trình độ, năng lực chuyên môn cao, có đổi mới sáng tạo, nhất là đội ngũ chuyên gia, các nghệ nhân làng nghề tiêu thủ công nghiệp.

5- Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chú trọng liên kết vùng và hợp tác quốc tế để phát triển công nghiệp

Lựa chọn, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ chất lượng, thiết thực trong lĩnh vực công nghiệp. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ, khuyến khích, ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phụ trợ,...

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp có năng lực đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học vào quản lý, sản xuất, kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng, là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Chú trọng hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có uy tín trong nước

và quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao các sản phẩm công nghệ. Xây dựng chính sách hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ; mở rộng hình thức đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ và mua kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

6- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư và thị trường

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư để giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh phát triển công nghiệp của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông, các hội nghị, hội thảo,... về xúc tiến đầu tư phát triển công nghiệp cả trong nước và quốc tế, gắn hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, của các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong khu vực, nhất là các dự án, lĩnh vực tỉnh khuyến khích để mời gọi, thu hút đầu tư, phát triển.

Tích cực tham gia hợp tác rộng, liên kết sâu trong quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch vùng, lãnh thổ; tận dụng ưu thế về đất đai, nhân lực, vùng nguyên liệu, quy mô, công suất hoạt động của các khu, cụm công nghiệp nói chung, các nhà máy nói riêng để liên kết chế biến, phát triển vùng nguyên liệu, thu mua nguyên liệu từ các địa phương lân cận và trong khu vực phục vụ chế biến của các nhà máy.

Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và thu mua nguyên liệu chế biến. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước, nhất là các thị trường ổn định, thị trường tiềm năng; tích cực tìm kiếm thị trường nước ngoài để việc tiêu thụ sản phẩm cũng như thu mua nguyên liệu theo nhu cầu chế biến bảo đảm ổn định, hiệu quả kinh tế. Phấn đấu xây dựng Trung tâm Logistic tại những nơi phù hợp, đủ điều kiện. Phát triển thương mại điện tử, triển khai các giải pháp tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, nhất là Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),... để quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế phát triển công nghiệp của tỉnh nói chung, các sản phẩm, hàng hóa nói riêng.

7- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các giải pháp về phát triển công nghiệp của chính quyền, cơ quan, đơn vị. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu, chủ đầu tư nhằm phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp; sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của các Ban quản lý khu, cụm công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp trong tình hình mới; ban hành quy chế quản lý hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh,... nhằm tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, tránh lãng phí đất đai, nguyên liệu, bỏ lỡ cơ hội thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tiềm năng.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trong bộ máy hành chính Nhà nước, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt, hiệu quả cao trong quản lý nhà nước và phát triển công nghiệp của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phân đấu giải quyết thủ tục hành chính theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (bao gồm cả hồ sơ lĩnh vực công nghiệp) chính xác, nhanh gọn và đạt tỉ lệ từ 50% trở lên; công khai, minh bạch các chính sách, quy hoạch, kế hoạch có liên quan để kêu gọi thu hút đầu tư; tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cấp huyện; giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự,... tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu, khảo sát, triển khai dự án đầu tư và sản xuất, kinh doanh. Thực hiện hiệu quả hoạt động đối ngoại để thu hút đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

Thực hiện tốt quy chế phối hợp, duy trì đối thoại định kỳ giữa doanh nghiệp với các cơ quan hành chính nhà nước để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, nhất là về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường,... kiên quyết xử lý, thu hồi những dự án vi phạm quy định pháp luật. Chú trọng làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thành tích, đóng góp cho phát triển công nghiệp của tỉnh; kịp thời xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có sai phạm.

8- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển công nghiệp

Các cấp ủy, tổ chức Đảng trong tỉnh phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động về phát triển công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh, uốn nắn những hạn chế, sai phạm trong quá trình thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển sản xuất công nghiệp. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận các cơ hội, nguồn lực, tham gia lao động sản xuất, kinh doanh và hưởng lợi từ quá trình phát triển công nghiệp của tỉnh. Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất công nghiệp có hiệu quả để vận động đoàn viên, hội viên triển khai thực hiện.

Kết quả thực hiện Nghị quyết này là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, lãnh đạo chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách để thực hiện Nghị quyết; giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện.

3- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết; định kỳ tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện quyền giám sát và tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

5- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

6- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban đảng Tỉnh ủy, cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo định kỳ, đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức đảng, đảng viên và nhân dân trong tỉnh để thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (B/c),
- BCS đảng Chính phủ (B/c),
- Các ban đảng, Văn phòng TW Đảng,
- BCS đảng Bộ Công Thương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban Đảng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Đồng chí Chánh, các Phó Chánh VPTU,
- Chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Châu Văn Lâm